

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-ST

Ngày: 29-8-2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức Huân;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Dũng.

2. Ông Phạm Văn Biên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh H tham gia phiên tòa:
Ông Tăng Bá Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 03/2023/TLST-DS ngày 09/01/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-DS ngày 10/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-DS ngày 06/8/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.

Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng-Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn Anh-Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý. Theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020.

Người được ủy quyền lại: Ông Đỗ Hùng Vĩ và ông Nguyễn Văn Thành - Chuyên viên xử lý nợ. Theo Văn bản ủy quyền ngày 28/12/2023 và Văn bản ủy quyền số 183/2023/UQ-HĐQT ngày 16/5/2023. Ông Thành có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức H1, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1979.

Đều có địa chỉ: Thôn Q, xã T, thị xã K, tỉnh H. Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai và tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Đức H1 và bà Nguyễn Thị H2 vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)-Chi nhánh Thăng Long-Phòng giao dịch Trung Hòa Nhân Chính, theo Hợp đồng tín dụng số 13756482 ngày 05/6/2017, cụ thể: Số tiền vay: 966.000.000 đồng; thời hạn vay: 83 tháng; mục đích sử dụng vốn: Mua xe ô tô; lãi suất theo thỏa thuận trong khế ước nhận nợ; các kỳ hạn trả nợ: Bên vay phải trả nợ gốc 11.638.000đ và lãi theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc, lãi đầu tiên là ngày 05/7/2017. Sau khi ký kết hợp đồng, VPB đã giải ngân cho ông H1, bà H2 tổng số tiền 996.000.000đ thông qua khế ước nhận nợ.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, VPBank và ông H1, bà H2 có ký kết Hợp đồng thế chấp xe ô tô ngày 05/6/2017, theo đó tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolets Cruze, biển số 34A-194.63 và 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Colorad, biển số 34C-182.21.

Sau khi ký kết hợp đồng, VPBank đã giải ngân cho ông H1, bà H2 tổng số tiền 996.000.000đ theo khế ước nhận nợ. Thực hiện hợp đồng, ông H1, bà H2 định kỳ hàng tháng có thanh toán nợ gốc, nợ lãi cho VPBank. Tính đến trước khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ (05/11/2018) thì ông H1, bà H2 đã trả được cho VPBank tổng số nợ gốc là 186.208.000đ. Số nợ gốc ông H1, bà H2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ là 779.792.000đ.

Do không có khả năng thanh toán nên ông H1 đã tự nguyện bàn giao 02 chiếc xe ô tô là tài sản thế chấp cho phía VPBank để xử lý. VPBank đã thực hiện thủ tục bán đấu giá 02 chiếc xe trên theo quy định để thu hồi nợ. Cụ thể: Chiếc xe ô tô Chevrolet Colorado, biển số: 34C-182.21 bán được số tiền 387.000.000đ. Sau khi trừ đi các chi phí đấu giá, phí gửi xe là 13.040.000đ, số tiền còn lại 373.960.000đ VPBank chuyển vào tài khoản số 187629551 của ông Nguyễn Đức H1 ngày 16/8/2019. Tiếp đó, ngày 25/5/2023, Chiếc xe ô tô Chevrolet Cruze, biển số: 34A-194.63 bán được số tiền 217.000.000đ. Sau khi trừ đi các chi phí đấu giá, phí gửi xe là 12.620.000đ và 2.750.000đ chi phí cầu kéo thì số tiền còn lại là 201.630.000đ. Tổng số tiền bán xe sau khi trừ đi các chi phí còn lại là 575.590.000đ. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp thì số tiền này VPBank sẽ trừ vào các khoản nợ gốc của ông H1, bà H2. Tuy nhiên, ông H1, bà H2 còn ký 02 hợp đồng tín chấp là: D1625400494 và LD1715601014; 01 hợp đồng thế tín dụng với VPBank số tiền theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo, đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản đảm bảo với hạn mức tín dụng 35.000.000đ. Sau khi trừ đi các khoản nợ

gốc, nợ lãi của 03 hợp đồng này thì số tiền bán xe Chevrolet Colorado, biên số: 34C-182.21 được trừ vào hợp đồng thế chấp LD1715700820 số tiền 293.318.0404 vào ngày 16/8/2019. Tại Bảng sao kê về việc thu nợ của VPBank đối với tài khoản của ông Nguyễn Đức H1 có nội dung trừ số tiền 318.615.000 vào ngày 16/8/2019 là do lỗi hệ thống của ngân hàng, thực tế không có khoản trừ này. VPBank cung cấp cho Tòa án 01 Hợp đồng thế chấp. Đối với 02 hợp đồng tín chấp phía VPBank sẽ có trách nhiệm cung cấp cho Tòa án sau. Sau khi VPBank trừ tiền bán xe ô tô vào các hợp đồng này, các khoản nợ này của ông H1, bà H2 được tất toán và được VPBank xóa toàn bộ dữ liệu do vậy không thể sao kê các tài khoản trên để cung cấp cho Tòa án được. Căn cứ để VPBank trừ số tiền bán tài sản thế chấp vào 03 hợp đồng nêu trên là dựa trên thỏa thuận tại khoản 2 của Hợp đồng thế chấp thì tài sản bảo đảm của ông H1, bà H2 là đảm bảo cho tất cả các khoản vay của ông H1, bà H2. VPBank ưu tiên trừ để tất toán các khoản vay nhỏ của ông H1, bà H2 trước, sau đó mới trừ vào khoản vay của hợp đồng tín dụng LD1715700820 có thế chấp. Sau khi trừ đi số tiền bán tài sản thế chấp, tính đến ngày 31/5/2023, số nợ gốc của ông H1, bà H2 là 284.843.596đ.

Nay phía VPBank yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đức H1, bà Nguyễn Thị H2 phải thanh toán trả cho VPBank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng nêu trên; tính đến ngày 08/7/2023, khoản tiền này là: Nợ gốc: 284.843.596 đồng; Nợ lãi: 439.828.733 đồng; lãi phạt: 122.542.348 đồng. Tổng cộng: 847.214.677 đồng. Tiếp tục tính lãi đối với khoản nợ nói trên theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 08/7/2023 cho đến ngày ông H1, bà H2 thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 17/3/2023, ông Nguyễn Đức Hoa trình bày:

Ngày 05/6/2017, vợ chồng ông có vay vốn tại VPBank, theo Hợp đồng tín dụng số 13756482, cụ thể: Số tiền vay: 966.000.000đ; thời hạn vay: 83 tháng tính từ ngày giải ngân; các kỳ hạn trả nợ: Trả lãi vào ngày 05 hàng tháng; Trả gốc 11.638.000đ và lãi phát sinh; Mục đích: Mua ô tô; lãi suất theo thỏa thuận. Khi vay vốn tại VPBank hai bên có ký kết Hợp đồng thế chấp bằng chính phương tiện ô tô mà vợ chồng ông đã trả góp. Theo đó, vợ chồng ông thế chấp 02 xe ô tô là Chevrolet Colora và Chevrolet Cruze theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 13756482 ngày 05/6/2017. Sau khi vay nợ, vợ chồng ông đóng tiền gốc và lãi cho ngân hàng định kỳ hàng tháng, kéo dài khoảng gần 01 năm thì không còn khả năng trả nợ. Ngân hàng đã tiến hành thu chiếc xe Chevrolet Colora để thu hồi nợ. Hiện chiếc xe Chevrolet Cruze ông đang quản lý nhưng do không có giấy tờ nên

không tiến hành đăng kiểm được. Ông đã nhiều lần liên hệ ngân hàng để về thu giữ, xử lý chiếc xe này nhưng ngân hàng không chịu về.

Nay ngân hàng có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phí phát sinh, tạm tính đến ngày 30/3/2022 là 898.862.958đ. Trong đó: Nợ gốc: 486.473.596đ; nợ lãi: 412.389.362đ. Quan điểm của ông xác định: Do ngân hàng làm thủ tục bán xe không thông báo giá trị bán xe là bao nhiêu nên ông đề nghị Tòa án yêu cầu ngân hàng cung cấp hồ sơ bán xe để xác định nợ gốc còn lại. Do quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên ông và bà H2 đã giải quyết ly hôn vào năm 2018. Hiện bà H2 làm gì, ở đâu ông không biết. Do tiền vay ngân hàng là dùng vào việc mua xe ô tô, mà ông là người quản lý hai xe ô tô nên xin chịu toàn bộ trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng. Tuy nhiên, do khó khăn nên ông đề nghị ngân hàng kê biên phát mãi chiếc xe ô tô còn lại để trừ vào nợ gốc và giảm lãi cho ông, ông xin có trách nhiệm trả dần.

Tại phiên tòa:

- Nguyên giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định tổng số nợ tính đến ngày 28/8/2023 và yêu cầu bị đơn phải trả là 859.730.066 đồng. Trong đó: Nợ gốc 284.843.596 đồng; lãi còn phải trả 446.097.243 đồng; lãi phạt còn phải trả 128.789.227 đồng.

- Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng theo Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của nguyên đơn là đảm bảo theo đúng quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông H1, bà H2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho VPBank tổng số tiền 859.730.066 đồng. Trong đó: Nợ gốc 284.843.596 đồng; lãi còn phải trả 446.097.243 đồng; lãi phạt còn phải trả 128.789.227 đồng. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xuống địa phương tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập cho bị đơn. Do bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú (không có người thân thích), để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại Trụ

sở UBND xã T và chỗ ở của bị đơn. Như vậy, việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án hợp lệ theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về sự vắng mặt của đương sự*: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bà Nguyễn Thị H2 theo địa chỉ được ghi trong Hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên. Sau khi ly hôn ông H1, bà H2 vắng mặt tại nơi cư trú nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới. Theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì trường hợp này được coi là bị đơn cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sẽ tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét Hợp đồng tín dụng số 13756482 ngày 05/6/2017, Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 13756482 ngày 05/6/2017, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc lập hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng ngân hàng. Do vậy, các hợp đồng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Thực hiện thỏa thuận của hợp đồng tín dụng, VPBank đã giải ngân cho ông H1, bà H2 tổng số tiền 996.000.000đ thông qua Khế ước nhận nợ ngày 06/6/2017. Ông H1, bà H2 đã nhận đủ số tiền vay và thực hiện việc trả nợ (gốc+lãi) định kỳ theo thỏa thuận. Đến kỳ trả nợ (gốc+lãi) ngày 05/11/2018, ông H1, bà H2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tổng số nợ gốc bị đơn đã thanh toán là 186.208.000đ. Phía nguyên đơn nhiều lần đôn đốc, thông báo việc trả nợ, nhưng bị đơn không có điều kiện để trả nợ nên đã tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Chevrolets Cruze, biển số 34A-194.63 và xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Colorad, biển số 34C-182.21. VPBank đã thực hiện thủ tục bán đấu giá 02 chiếc xe này để thu hồi nợ. Tổng số tiền bán xe sau khi trừ đi các chi phí liên quan còn lại là: 575.590.000đ. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp thì số tiền thu được VPBank sẽ trừ vào các khoản nợ gốc của ông H1, bà H2 nhưng ông H1, bà H2 còn dư nợ của 02 hợp đồng tín chấp LD1625400494, LD1715601014 và hợp đồng thế tín dụng, với hạn mức tín dụng 35.000.000đ nên VPBank đã trừ đi các khoản nợ gốc, nợ lãi và tất toán 03 hợp đồng này. Số tiền bán xe Chevrolet Colorado và Chevrolet Cruze còn lại VPBank trừ vào nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 13756482. Như vậy, số nợ gốc ông H1, bà H2 chưa trả là 284.843.596đ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thanh toán theo thỏa thuận, tính đến ngày 28/8/2023 số tiền lãi còn phải trả là 446.097.243 đồng; lãi phạt còn phải trả 128.789.227 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của VPBank là có căn cứ nên Hội

đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Xác định nghĩa vụ trả nợ: Tại Quyết định số 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/01/2018, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H đã công nhận thuận tình ly hôn giữa ông H1, bà H2. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông H1, bà H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết; theo Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản và Khế ước nhận nợ do ông H1, bà H2 ký kết và nhận khoản tiền vay vào tháng 6/2017, trong thời kỳ hôn nhân. Căn cứ Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định khoản vay này là nợ chung của ông H1, bà H2. Khi giải quyết ly hôn tại Tòa án các bên đương sự chưa giải quyết về quan hệ tài sản chung, nợ chung. Mặc dù tại lời khai của mình, ông H1 và người đại diện theo ủy quyền của VPBank đều đồng ý chuyển nghĩa vụ trả nợ của bà H2 sang cho ông H1 nhưng nội dung này chưa có ý kiến và đồng ý của bà H2 nên HĐXX không chấp nhận. Do đó, HĐXX buộc ông H1, bà H2 phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 859.730.066 đồng cho VPBank, chia nghĩa vụ theo phần, ông H1, bà H2 mỗi người phải có nghĩa vụ trả số tiền 429.865.033 đồng và phải tiếp tục chịu lãi theo thỏa thuận của hợp đồng đã ký kết.

[5]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Các điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 299, 303, 304, 307, 308, 317, 318, 351, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán thông qua ngày 07/10/2016; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.

Buộc ông Nguyễn Đức H1 và bà Nguyễn Thị H2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng số tiền, tính đến ngày 28/8/2023 là: 859.730.066 đồng. Trong đó: Nợ gốc còn phải trả 284.843.596 đồng, lãi còn phải trả 446.097.243 đồng, lãi phạt còn phải trả 128.789.227 đồng. Chia nghĩa vụ theo phần, ông H1, bà H2 mỗi người phải có nghĩa vụ trả số tiền trả số tiền 429.865.033 đồng.

Kể từ ngày 29/8/2023, cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Đức H1 và bà Nguyễn Thị H2 phải tiếp tục chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Đức H1, bà Nguyễn Thị H2 mỗi người phải chịu số tiền (đã làm tròn) 21.493.300đ (*Hai mươi một triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.500.000đ (*Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số AA/2021/0002023 ngày 04/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh H.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đức Huấn